ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2019/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

Người ký: Văn phòng ĐĐBQH - HĐND và UBND
Email: vpub@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 28.06.2019 14:42:16 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi,

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 906/TTr-KHĐT ngày 28/3/2019 về việc ban hành quy định phân cấp quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 60/BC-STP ngày 26/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định phân cấp quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2019.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức triển khai, theo dõi kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Công ty TNHH MTV thủy lợi: Yên Lập Quảng Ninh, Đông Triều, Miền Đông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TTTT tỉnh Quảng Ninh;
- V0-4, NLN1-3, XD1-6, TM1-4;
- Lưu: VT, XD4.

10b QĐ 6-21

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Huy Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này Quy định phân cấp quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đã được đưa vào khai thác, sử dụng. Riêng công trình đê điều thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác; việc tổ chức quản lý, vận hành, bảo vệ do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định đảm bảo quy định của Luật Thủy lợi và các hướng dẫn có liên quan để an toàn cho công trình, sử dụng có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng.

Cơ quan quản lý nhà nước về công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện phân cấp:

1. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật và tầm quan trọng của công trình để phân cấp cho các cấp chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Mỗi công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý và tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Bảo đảm tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính, nguồn nước đến công trình và phù hợp với quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Đồng thời bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

3. UBND tỉnh chỉ quản lý các công trình thủy lợi có quy mô lớn, kỹ thuật vận hành phức tạp hoặc quan trọng cho an toàn khu vực hạ lưu (có đông dân cư, công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng, di tích lịch sử quốc giaUBND cấp huyện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nhỏ, vừa và các công trình thủy lợi ở xa khu đông dân cư hoặc hạ lưu không có công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng.

4. Công trình hoặc hạng mục công trình thủy lợi phân cấp cho cấp nào thì cấp đó trực tiếp tổ chức quản lý để khai thác, bảo vệ theo quy hoạch, kế hoạch

và tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và đảm bảo an toàn, hiệu quả công trình; Trong một hệ thống công trình nếu có từ hai cấp quản lý trở lên thì cấp quản lý cao hơn chủ trì đề xuất tổ chức và thống nhất về quy trình vận hành hệ thống để đảm bảo hài hòa lợi ích chung.

5. Phân cấp công trình thủy lợi không đồng nghĩa với phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư; việc sửa chữa, nâng cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản và phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của UBND tỉnh Quảng Ninh; cấp nào quản lý công trình thì trực tiếp thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình đảm bảo quy định.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 3. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi:

1. UBND tỉnh quản lý và giao cho các doanh nghiệp nhà nước (Công ty TNHH 1TV thủy lợi: Đông Triều; Yên Lập; Miền Đông) trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi đầu mối, các trục kênh chính, kênh nhánh và các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn hoặc có điều kiện kỹ thuật phức tạp thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên huyện (cấp huyện), liên xã (cấp xã) có yêu cầu về quản lý, vận hành phức tạp, nhằm đảm bảo an toàn cho vùng hạ du có đông dân cư và hài hòa lợi ích, trách nhiệm giữa các huyện, xã trong phạm vi hệ thống và giữa các đối tượng sử dụng nước, cụ thể đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đối với đập, hồ chứa nước:

- Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ $\geq$ 0,5 triệu m^3 hoặc hồ chứa có chiều cao đập $\geq$ 10,0m

- Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ < 0,5 triệu m^3 hoặc hồ chứa có chiều cao đập $\leq$ 10,0m nhưng phải vận hành, khai thác liên hồ.

- Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ < 0,5 triệu m^3 hoặc hồ chứa có chiều cao đập $\leq$ 10,0m nhưng phục vụ tưới liên xã.

b) Đối với đập dâng nước:

- Đập dâng có chiều cao đập Hđập $\geq$ 10,0m.

- Đập dâng có chiều cao đập Hđập < 10,0m nhưng phải điều tiết, vận hành liên huyện, liên xã để phục vụ các đối tượng sử dụng nước phức tạp;

- Đập dâng có chiều cao đập <10m nhưng nguồn sinh thủy phụ thuộc vào công trình do Công ty TNHH MTV Thủy lợi quản lý hoặc đập dâng có cấp công trình từ cấp 3 trở lên.

c) Đối với trạm bơm:

- Trạm bơm có tổng lưu lượng $\geq$ 3.000m^3/h hoặc trạm bơm nhỏ nhưng có công suất động cơ mỗi tổ máy $\geq$150 kW;

- Trạm bơm phục vụ tưới, tiêu liên huyện, liên xã (không kể quy mô).

- Trạm bơm có diện tích tưới, tiêu $\geq$ 200 ha.

d) Đối với tuyến kênh mương: Các trục kênh chính, kênh nhánh và cả các

công trình trên dưới kênh (vị trí tính từ công trình đầu mối do Công ty TNHHMTV Thủy lợi quản lý đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cho hệ thống công trình thủy lợi nội đồng).

e) Các công trình đầu mối khác, gồm: Cống tiêu thoát lũ, cống điều tiết (ngăn mặn, giữ ngọt) có quy mô lớn, có yêu cầu quản lý vận hành phức tạp và có tổng chiều rộng thoát nước ≥10,0m; xi phông, cầu máng có lưu lượng ≥ $5m^3/s$ hoặc chiều rộng đáy kênh B≥ 3,0m (trường hợp là đường ống thì lưu lượng dẫn qua ống ≥ $2m^3/s$ hoặc có đường kính trong ≥ 1.000mm).

(Chi tiết phân cấp danh mục công trình thủy lợi theo phụ lục số 01)

2. UBND cấp huyện quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi ngoài các danh mục phân cấp thuộc tỉnh quản lý được quy định tại khoản 1, điều này; các công trình thủy lợi ở xa khu đông dân cư, hạ lưu không có công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng hoặc theo ý kiến thống nhất của các đơn vị liên quan; các công trình có quy mô nhỏ phát sinh chưa được cập nhật vào danh mục công trình thủy lợi được phân cấp giao cấp huyện quản lý.

(Chi tiết phân cấp danh mục công trình thủy lợi theo phụ lục số 02)

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thực hiện phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Căn cứ vào các tiêu chí và điều kiện phân cấp tại quy định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Công ty TNHH MTV thủy lợi: Đông Triều; Yên Lập; Miền Đông và UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân liên quan xác định quy mô thủy lợi nội đồng, vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đảm bảo quy định và thống nhất đơn vị quản lý hệ thống kênh mương (bao gồm cả công trình trên kênh) liên quan đến từng công trình thủy lợi.

b) Tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện tiếp nhận, bàn giao công trình thủy lợi theo phân cấp tại quy định này.

c) Căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn và hỗ trợ UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan thực hiện việc giao cho tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đủ năng lực quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý đảm bảo quy định;

d) Hướng dẫn các địa phương, đơn vị thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở hoặc liên hiệp các tổ chức thủy lợi cơ sở thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo phân cấp và thủy lợi nội đồng đảm bảo quy định hiện hành; giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong thời gian chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở;

e) Nghiên cứu đề xuất với UBND tỉnh điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho phù hợp với quy định này và các quy định liên quan;

f) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu với UBND tỉnh quyết định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và phương thức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn cho phù hợp.

2. Sở Tài chính.

a) Chủ trì hướng dẫn UBND cấp huyện, các Công ty TNHH MTV thủy lợi (Đông Triều, Yên Lập, Miền Đông) được giao quản lý để khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp thực hiện thủ tục thu hồi, điều chuyển và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định hiện hành;

b) Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo trì và quản lý các công trình thủy lợi được giao quản lý, khai thác và bảo vệ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Chủ trì hướng dẫn các địa phương, đơn vị được giao quản lý để khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp thực hiện thủ tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi theo phân cấp đảm bảo quy định;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thực hiện các nội dung liên quan trong quá trình triển khai thực hiện quy định phân cấp.

4. UBND các huyện, thị xã và thành phố:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước toàn diện đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn; trong đó phải có biện pháp quản lý cụ thể các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ trên địa bàn; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở hoặc liên hiệp các tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo phân cấp và thủy lợi nội đồng đảm bảo quy định hiện hành; giao UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong thời gian chưa thành lập được các tổ chức thủy lợi cơ sở;

b. Chủ trì triển khai việc tiếp nhận, bàn giao quản lý để khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý tại Quy định này và tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi để nhân dân biết và thực hiện;

c) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị thực hiện các nội dung liên quan trong quá trình triển khai thực hiện quy định phân cấp này.

5. Các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

a) Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan có thẩm quyền về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp;

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp các nội dung được giao quản lý để khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo an toàn, hiệu quả; thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

c) Phải có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, yêu cầu kỹ thuật quản lý công trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND cấp huyện về những hậu quả, thiệt hại do việc không đảm bảo yêu cầu về năng lực theo quy định gây ra;

d) Tổ chức đăng ký, cấp giấy phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Trong thời hạn không quá 01 năm kể từ ngày ban hành quy định này, UBND cấp huyện chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định; đồng thời giao UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong khi chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đề xuất, kiến nghị về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Huy Hậu

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI DO UBND TỈNH QUẢNG NINH QUẢN LÝ VÀ GIAO CHO 03 CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI: ĐÔNG TRIỀU; YÊN LẬP; MIỀN ĐÔNG QUẢN LÝ ĐỂ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ

(Kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

I.1 Hồ chứa

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3 m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*16*	*17*	*18*
I	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Đông Triều**																	
1	Hồ Khe Chè	xã An Sinh, Đông Triều	420.0	2,920.0	1985	cấp III	34.500	12.000	2.000	10.000	26.90	12.00	600.00	20.00	14.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
2	Hồ Bến Châu	xã Bình Khê, Đông Triều	459.0	2,190.0	1982	cấp III	24.000	8.670	0.470	8.200	33.50	29.60	530.00	21.00	50.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
3	Hồ Trại Lốc 1	xã An Sinh, Đông Triều	322.0	0.0	1981	cấp III	10.400	3.200	0.350	2.850	41.20	36.00	327.00	15.20	27.40	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
4	Hồ Trại Lốc 2	xã An Sinh, Đông Triều	54.0	0.0	1970	cấp IV	3.140	0.415	0.040	0.375	11.20	8.80	298.00	6.80	70.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Vận hành điều tiết liên hồ trại lộc 1 và 2
5	Hồ Đập Làng	xã Tràng An, Đông Triều	70.0	0.0	1970	cấp IV	0.670	1.000	0.100	0.900	14.00	12.50	543.00	5.00	5.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
6	Hồ Nhà Bò	xã Tràng An	35.0	0.0	1971	cấp IV	0.600	0.200	0.000	0.200	7.5		347.0	5.0		C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Nhận tiếp nước từ hồ Trai lốc 1
7	Hồ Đồng Đò 1	xã Bình Khê, Đông Triều	150.0	0.0	1978	cấp III	7.300	2.430	0.145	2.285	40.00	37.80	367.50	17.00	26.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
8	Hồ Đồng Đò 2	xã Bình Khê, Đông Triều	166.8	0.0		cấp III	5.400	0.466	0.065	0.401	64.60	61.90	164.70	19.60	22.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Vận hành điều tiết liên hồ Đồng Đò 1 và 2
9	Hồ Nội Hoàng	xã Hoàng Quế, Đông Triều	88.0	0.0	1967	cấp IV	8.000	2.000	0.200	1.800	20.20	17.40	70.00	6.00	21.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
10	Hồ Khe Ươn 1	xã Hồng Thái Tây, Đông Triều	130.0	0.0	1963	cấp IV	2.320	1.400	0.190	1.210	12.30	10.00	658.00	8.00	16.30	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
11	Hồ Khe Ươn 2	xã Hồng Thái Tây, Đông Triều	160.0	0.0	1974	cấp IV	2.320	1.610	0.200	1.410	14.00	12.00	646.00	7.50	8.80	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
12	Hồ Yên Dưỡng	xã H.Thái Đông, Đông Triều	95.0	0.0	1966	cấp IV	6.000	1.410	0.010	1.400	13.40	11.24	800.00	5.10	29.60	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3 m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	16	17	18
13	Hồ Rộc Chảy	xã H.Thái Đông, Đông Triều	82.0	0.0	1966	cấp IV	1.400	0.950	0.050	0.900	12.84	11.25	455.00	8.00	12.60	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
14	Hồ Tân Yên	xã H.Thái Đông, Đông Triều	55.0	0.0	1965	cấp III	6.000	0.950	0.050	0.900	13.00	9.90	196.00	10.00	21.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
15	Hồ Cổ Lễ	xã Hoàng Quế, Đông Triều	50.0	0.0	1980	cấp IV	12.000	0.880	0.100	0.780	5.00	3.50	400.00	5.00	63.40	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
16	Hồ Sống Rắn	xã Nguyễn Huệ	34.0	0.0		cấp IV	0.450	0.600	0.050	0.550	14.00	10.00	330.00	8.00		Thị xã Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Hồ có dung tích > 0,5 triệu m^3, cấp nước liên xã
17	Hồ Đá Trắng	xã Tràng Lương, Đông Triều	276.0	0.0	2000	cấp IV	12.500	0.550	0.110	0.440	54.45		155.00	7.00	38.50	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
18	Hồ Quán Vuông	xã Bình Khê	50.0	0.0		cấp IV	2.000	0.088	0.006	0.081		15.95	88			C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Quản lý vận hành phức tạp (Mùa mưa gây gập lụt khu dân cư quanh hồ, mùa khô thiếu nước, công trình vừa tưới tự chảy, vừa tạo nguồn cho trạm bơm tưới tiên tiến, tiết kiệm nước)
19	Hồ Ninh Sơn	xã Tràng Lương, Đông Triều		0.0		cấp III	4.850	0.051	0.007	0.004	41.00	38.70	97.00	5.00		C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Gốc Thau
20	Hồ Gốc Thau	xã Tràng Lương, Đông Triều		0.0		cấp IV	0.500	0.551	0.008	0.543	52.80	51.28	133.00	10.00		C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	
II	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Yên Lập**																	
1	Hồ Yên Lập	Minh Thành, Quảng Yên	8,320.0	36,000.0	1983	cấp II	182.600	127.500	9.380	118.120	32.50	29.50	276.00	31.50	24.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
2	Hồ Yên Trung	Phương Đông, Uông Bí	227.0	0.0	1980	cấp III	3.200	3.500	0.300	3.200	22.00	17.50	150.00	21.50	20.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
3	Hồ Khe Chính	xã Bằng Cả, Hoành Bồ	170.0	0.0	1986	cấp III	4.700	2.170	0.680	1.490	63.00	60.40	62.00	25.00	12.00	Huyện Hoành Bồ	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	Hồ có dung tích > 0,5 triệu m^3, chiều cao đập > 10 m, cấp nước sinh hoạt liên xã

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Ldập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3 m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*16*	*17*	*18*
4	Hồ Rộc Cùng	TT. Trới, Hoành Bồ	18.0	0.0		cấp IV	1.050	0.815	0.015	0.800		6.00	120.00	9.00		C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
5	Hồ An Biên	xã Lê Lợi, Hoành Bồ	122.0	0.0	1977	cấp IV	6.000	1.200	0.020	0.180	6.50	4.00	187.00	9.00	4.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
6	Hồ Chân Đèo	Thống Nhất, Hoành Bồ	40.0	0.0	1976	cấp IV	0.800	0.515	0.015	0.500		5.50	290.00	7.50	4.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
7	Hồ Rộc Cả	Thống Nhất, Hoành Bồ	71.5	0.0	1977	cấp IV	2.000	1.100	0.240	0.860		9.50	250.00	7.50	5.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
8	Hồ Sau Làng	Việt Hưng, Hạ Long	31.0	0.0	1978	cấp IV	1.200	0.870	0.120	0.750		9.50	204.00	11.00	2.50	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
9	Hồ Cao Vân	xã Dương Huy, TP C	0.0	23,360.0	1996	cấp III	52.000	11.800	0.800	11.000	38.00	33.20	250.00	18.00	30.00	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
10	Hồ Khe Mai	xã Đoàn Kết	238.0	730.0	1997	cấp IV	3.140	1.650	0.150	1.500	15.2	6.5	140.0	9.0	19	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
11	Hồ Khe Bòng	xã Bình Dân	65.0			cấp IV	1.000	0.414	0.014	0.400	23.0	21.3	130.0	12.0	5	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	Chiều cao đập > 10 m
12	Hồ Voòng Tre	xã Đài Xuyên	160.0		1970	cấp IV	2.000	0.885	0.135	0.750	24.5	22.7	300.0	6.0	15	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	
13	Hồ Lòng Dinh	xã Quan Lạn	56.6	1,460.0		cấp III	3.160	1.150	0.400	0.750	31	27.3	171	23	12	Huyện Vân Đồn	C.ty TNHH 1TV TL Yên Lập	Dung tích > 0,5 triệu, chiều cao đập > 10 m, công trình cấp nước liên xã
III	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Miền Đông**																	
1	Hồ Tràng Vinh	xã Hải Tiến, Móng Cái	5,850.0	3,285.0	2005	cấp II	70.800	74.760	14.810	59.950	26.00	24.20	220.00	27.50	18.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
2	Hồ Quất Đông	xã Hải Đông, Móng Cái	1,300.0	4,599.0	1983	cấp III	11.000	12.100	1.800	10.300	28.20	24.50	234.00	23.50	35.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
3	Hồ Đoan Tĩnh	xã Hải Yên, Móng Cái	250.0		1986	cấp III	3.500	1.500	0.250	1.250	23.00	20.50	192.00	15.50	20.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3 m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	16	17	18
4	Hồ Dân Tiến	xã Hải Tiến, Móng Cái	150.0	0.0	1965	cấp III	4.000	0.600	0.030	0.570	19.45	17.20	75.00	11.50	17.20	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
5	Hồ Phình Hồ	xã Bắc Sơn, Móng Cái	60.0	0.0	2002	cấp III	16.100	8.960	3.970	4.990	33.0	30.15	76.31	19.83	20.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
6	Hồ Chúc Bài Sơn	xã Quảng Sơn, Hải Hà	3,100.0	1,314.0	1993	cấp III	18.200	15.000	1.400	13.600	80.00	76.50	153.00	22.00	27.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
7	Hồ Đầm Hà Động	xã Quảng Lợi, Đầm Hà	3,485.0	1,905.0	2009	cấp II	68.500	14.310	2.010	12.300	64.50	60.70	244.00	31.50	27.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
8	Hồ Tân Bình	xã Tân Bình, Đầm Hà	60.0	292.0	1968	cấp III	0.600	0.650	0.050	0.600	64.00	61.00	65.00	12.00	16.00	Huyện Đầm Hà	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	Vận hành điều tiết liên cùng hệ thống hồ Đầm Hà Động (tiếp nước từ hồ vào kênh bờ trái của Đầm Hà Động
9	Hồ Khe Táu	xã Đông Ngũ, Tiên Yên	150.0	0.0	1970	cấp III	3.500	1.780	0.450	1.330	51.50	48.50	90.00	10.00	17.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
10	Hồ Hải Yên	xã Hải Lạng, Tiên Yên	30.0	0.0	1979	cấp III	0.440	0.550	0.000	0.550	16.60	13.90	52.00	9.90	14.00	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
11	Hồ Yên Hải	xã Yên Than				cấp IV	0.130	0.160	0.000	0.160			150.0	6.0	5	Huyện Tiên Yên	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	Vận hành điều tiết liên hồ (Lòng hồ thông với hồ Hải Yên)
12	Hồ Khe Cát	xã Hải Lạng, Tiên Yên	1,570.0	3,249.0	2017	cấp II	9.800	6.455	0.167	6.279	41.00	38.90	216.50	42.50	12.00	Huyện Tiên Yên	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	
13	Hồ Khe Lọng trong	xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	30.0		2016	cấp IV	2.300	0.385	0.092	0.293			125.1	14.5		Huyện Ba Chẽ	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	Chiều cao đập > 10 m
14	Hồ Khe Mười	xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	45.0		2017	cấp III	3.100	0.595	0.044	0.551	60.8	56.8	97.2	20	12.00	Huyện Ba Chẽ	C.ty TNHH 1TVTL Miền Đông	

I.2. Trạm bơm

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Cấp công trình	Các thông số kỹ thuật		Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp
			F tưới (ha)	F tiêu (ha)			Số máy	Q máy (m^3/h)		
1	*2*	*3*	*5*	*6*	*7*		*9*	*10*	*11*	*12*
I	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Đông Triều**									
1	Trạm bơm (TB) Bình Sơn	xã Bình Dương, Đông Triều	520.0	0.0	1968	Cấp IV	4	1,200.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
2	TB Đạm Thủy	xã Thủy An, Đông Triều	250.0	0.0	1985	Cấp IV	2	1,200.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
3	TB Bình Lục	xã Hồng Phong, Đông Triều	300.0	0.0	1970	Cấp IV	3	1,200.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
4	TB Tân Việt	xã Tân Việt, Đông Triều	300.0	0.0	1974	Cấp IV	3	1,200.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
5	TB Xuân Sơn	P.Xuân Sơn, Đông Triều	230.0	0.0	1978	Cấp IV	3	1,200.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
6	TB tiêu Đạm Thủy	xã Thủy An, Đông Triều	0.0	1,100.0		Cấp IV			C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
	Nhà máy số 1				1985		14	2,500.0		
	Nhà máy số 2				2004		6	4,000.0		
7	TB tiêu Việt Dân	xã Việt Dân	0.0	550.0		Cấp IV			C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
	Nhà máy số 1				1974		3	4,000.0		
	Nhà máy số 2				2003		3	4,000.0		
8	TB tiêu Hồng Phong	xã Hồng Phong, Đông Triều	0.0	875.0		Cấp IV	6	4,000.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
9	TB tiêu Đức Chính	P.Đức Chính, Đông Triều	0.0	870.0		Cấp IV	6	4,000.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
10	TB tiêu Kim Sơn	P.Kim Sơn, Đông Triều	0.0	650.0		Cấp IV	4	4,000.0	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều	C.ty TNHHMTVTL Đông Triều
II	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Yên Lập**									
III	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Miền Đông**									
1	Trạm bơm Hải Hòa		250.0	0.0		Cấp IV	3	1,000.0	C.ty TNHHMTVTL Miền Đông	C.ty TNHHMTVTL Miền Đông

I.3. Đập đăng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
I	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Đông Triều**										
II	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Yên Lập**										
III	**Công ty TNHHMTV Thủy lợi Miền Đông**										
1	Đập Xi Hí	xã Đông Ngũ, Tiên Yên	145.0	0.0	1964	Cấp IV	26.08	3.77	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
2	Đập Hà Thanh	xã Đông Hải, Tiên Yên	250.0	0.0	1980	Cấp IV	17.20	2.10	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
3	Đập Làng Đài	xã Đông Hải, Tiên Yên	45.0	0.0	2005	Cấp IV	19.30	2.50	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
4	Đập Cái Hình	Xã Đông Hải, Tiên Yên	47.64	0.0		Cấp IV		2.0	Huyện Tiên Yên	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
5	Đập Hà Tràng Đông	xã Đông Hải, Tiên Yên	57.0	0.0	2005	Cấp IV	10.99	1.10	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
6	Đập Hà Tràng Tây	xã Đông Hải, Tiên Yên		0.0		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
7	Đập Tổng Loi	xã Đông Hải, Tiên Yên	28.0	0.0	1987	Cấp IV	10.65	2.00	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
8	Đập Đội 3 Đông Phong	xã Đông Hải, Tiên Yên	25.0	0.0	2000	Cấp IV		1.80	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
9	Đập Chặng Bé	xã Đông Ngũ, Tiên Yên		0.0		Cấp IV			C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
10	Đập Bình Hồ	xã Quảng Lâm, Đầm Hà		0.0		Cấp IV	65.00	2.65	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)
11	Đập Quảng Long	xã Quảng Sơn, Hải Hà	3.100.0	0.0	1988	Cấp IV	59.20	3.05	C.ty TNHH MTV Miền Đông	C.ty TNHH MTV Miền Đông	Tiếp nhận nguồn nước từ hồ Khe Táu (do C.ty quản lý)

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIAO ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ ĐỂ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ

(Kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-UBND ngày 26 /6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

II.1. Hồ chứa

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
						Cấp công trình	F(lv)	Dung tích			Cao trình		Lđập	H đập	B tràn			
			F tưới	Cấp nước				Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT						
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng	**132**																
I	**UBND thị xã Đông Triều**																	
1	Hồ Bắc Mã	xã Bình Dương	30.0	0.0	1973	cấp IV		0.350	0.000	0.350						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
2	Hồ Khe Tắm	xã Nguyễn Huệ	15.0	0.0		cấp IV	0.700	0.100	0.000	0.100						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
3	Hồ Suối Môi	P. Kim Sơn	30.0	0.0	1998	cấp IV		0.350	0.000	0.350						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
4	Hồ Lỗ Chỉnh	xã Yên Thọ	30.0	0.0		cấp IV	0.500	0.500	0.150	0.350						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
5	Hồ Cầu Cuốn	xã Yên Thọ	100.0	0.0		cấp III	2.000	0.560	0.000	0.560			100.00	10.00	10.00	Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
6	Hồ Trại Nứa	xã An Sinh	20.0	0.0		cấp IV	1.670	0.455	0.055	0.400			100.00	8.00	3.00	C.ty TNHH 1TVTL Đông Triều	Thị xã Đông Triều	Công trình đầu mối độc lập (Hồ có dung tích < 0,5 triệu m^3, chiều cao đập <10 m)
7	Hồ Chùa Quỳnh	xã Tràng An	40.0	0.0		cấp IV	1.100	0.500	0.000	0.500						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
8	Hồ Suối Sai	P. Mạo Khê	11.0	0.0		cấp IV	0.500	0.100	0.000	0.100						Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
9	Hồ Đìa Sen	xã An Sinh		0.0		cấp IV	0.500									Thị xã Đông Triều	Thị xã Đông Triều	
II	**UBND thành phố Uông Bí**																	
1	Hồ Ông Tại	P. Nam Khê	50.0	0.0	1997	cấp IV		0.580	0.000	0.580						Thành phố Uông Bí	Thành phố Uông Bí	
2	Hồ Đầm Mây	P. Quang Trung	30.0	0.0	1978	cấp IV		0.350	0.000	0.350						Thành phố Uông Bí	Thành phố Uông Bí	
3	Hồ Đầm Phường	P. Yên Thanh	35.0	0.0	1981	cấp IV		0.410	0.000	0.410						Thành phố Uông Bí	Thành phố Uông Bí	
4	Hồ Ba Za	P. Phương Nam	30.0	0.0		cấp IV	0.600	0.180	0.000	0.180						Thành phố Uông Bí	Thành phố Uông Bí	
5	Hồ Tân Lập	Phương Đông UB	10.0	0.0	1980	cấp IV	2.900	0.330	0.020	0.310		11.6	218.0	12.0	3	C.ty TNHHMTVTL Yên Lập	Thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (Hồ có dung tích < 0,5 triệu m^3, chiều cao đập <10 m)
III	**UBND thị xã Quảng Yên**																	
1	Hồ Bồng Ngai	xã Hoàng Tân	12.0	0.0	1970	cấp IV	0.040	0.200	0.000	0.200						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Ldập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Hồ Gà Gô	xã Hoàng Tân		0.0	1965	cấp IV		0.403	0.000	0.403						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
3	Hồ Chi Liên (Đông Mai)	P. Minh Thành		0.0		cấp IV		0.400	0.000	0.400						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
4	Hồ Giếng Mùi	P. Cộng Hòa		0.0	1964	cấp IV		0.100	0.000	0.100						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
5	Hồ Núi Dinh	P. Cộng Hòa		0.0	1964	cấp IV		0.200	0.000	0.200						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
6	Hồ Khe Giá	xã Tiền An	2.1	0.0	1965	cấp IV	4.000	0.050	0.000	0.050			407.0	6.0		Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
7	Hồ Khe Thự	xã Tiền An	27.0	0.0	1964	cấp IV	0.460	0.300	0.000	0.300			272.0	5.7		Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
8	Hồ Ông Xuyên	P. Cộng Hòa	4.6	0.0	1964	cấp IV	1.000	0.100	0.000	0.100						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
9	Hồ Rộc Bồng	xã Hiệp Hòa	9.8	0.0	1960	cấp IV	1.500	0.200	0.000	0.200						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
10	Hồ Cảnh Chẽ	xã Hoàng Tân	10.0	0.0	1969	cấp IV	0.260	0.150	0.000	0.150						Thị xã Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên	
IV	**UBND huyện Hoành Bồ**																	
1	Hồ Khe Hon	xã Quảng La	40.0	0.0	1985	cấp IV	2.600	0.110	0.010	0.100	57.8	55	65.0	17.0	12	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
2	Hồ 2F	xã Quảng La	20.0	0.0		cấp IV		0.100	0.000	0.100						huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
3	Hồ Rộc Ngô	xã Lê Lợi	70.0	0.0	1971	cấp IV	0.800	0.400	0.000	0.400			70.0	10.0		huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
4	Hồ Rộc Miễu (Rộc Mười)	xã Lê Lợi	35.0	0.0	1965	cấp IV		0.400	0.000	0.400			81.3	9.0	5	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
5	Hồ Khe Mần	xã Lê Lợi	70.0	0.0	1976	cấp IV		0.250	0.000	0.250			160.0	8.0	4.5	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
6	Hồ Khe Chùa (Suối Páo)	xã Sơn Dương	30.0	0.0	1968	cấp IV	0.700	0.300	0.000	0.300			60.0	7.0	5	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
7	Hồ Nà Nùng	xã Sơn Dương	35.0	0.0		cấp IV	0.600	0.111	0.021	0.090	32.0	30.15	305.0	5.0	4.6	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
8	Hồ Đồng Khuôn	xã Sơn Dương	35.0	0.0	1960	cấp IV		0.200	0.000	0.200						huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
9	Hồ Khe Chùa	Thị trấn Trới	10.0	0.0		cấp IV		0.180	0.000	0.200			70.0	4.0		huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
10	Hồ Đồng Má	xã Sơn Dương	10.0	0.0		cấp IV		0.100	0.000	0.180					2.5	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
11	Hồ Khe Khoai	xã Thống Nhất	22.0	0.0	1973	cấp IV	0.500	0.300	0.000	0.100					3	huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
V	**UBND thành phố Hạ Long**																	
1	Hồ Đầm Khu 3	P. Tuần Châu	15.0		1977	cấp IV		0.100	0.000	0.100						thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
2	Hồ Khe Sung	P. Đại Yên	15.0		1970	cấp IV		0.100	0.000	0.100						thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
3	Hồ Cái Tần	P. Tuần Châu	20.0			cấp IV	0.300	0.170	0.000	0.170					3	thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B trán			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Hồ Cái Mắm	P. Việt Hưng	16.0			cấp IV	0.350	0.160	0.000	0.160			70.0	5.0		thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
5	Hồ Khe Cá	P. Hà Phong	66.0	0.0	1980	cấp IV	2.400	0.240	0.000	0.240	10.80	8.60	200.00	10.00	10.00	thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
6	Hồ Khe Lời	P. Việt Hưng	31.0		1978	cấp IV	0.600	0.310	0.010	0.300		8	190.0	9.5	2.5	C.ty TNHHMTVTL Yên Lập	thành phố Hạ Long	Công trình đầu mối độc lập (Hồ có dung tích < 0,5 triệu m^3, chiều cao đập <10 m)
VI	**UBND thành phố Cẩm Phả**																	
1	Hồ Đồng Cầu	xã Cộng Hòa	88.0	0.0	1970	cấp IV	0.420	0.450	0.060	0.390	23.5	21.5	504.0	8.0	10	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
2	Hồ Khe Cá	xã Cộng Hòa	30.0	18.0		cấp IV	0.450	0.400	0.000	0.400				6.0	4	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
3	Hồ Đầm Đá	xã Cộng Hòa	30.0	0.0		cấp IV	0.600	0.500	0.000	0.500						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
4	Hồ Đồng Cói	xã Cộng Hòa	10.0	0.0		cấp IV	0.390	0.340	0.000	0.340						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
5	Hồ Rừng Miễu	xã Cộng Hòa	15.0	0.0		cấp IV	0.150	0.180	0.000	0.180						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
6	Hồ Cống Đá	xã Cộng Hòa		0.0	1965	cấp IV	0.250	0.150	0.000	0.150						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
7	Hồ Yên Ngựa	xã Cộng Hòa	20.0	0.0		cấp IV	0.320	0.300	0.000	0.300						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
8	Hồ Tân Tiến	xã Dương Huy	15.0	0.0		cấp IV	0.150	0.070	0.000	0.070						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
9	Hồ Ao Chào	xã Cộng Hòa	15.0	0.0		cấp IV	0.150	0.015	0.000	0.015						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
10	Hồ Ao Cói	xã Cộng Hòa	6.0	0.0		cấp IV	0.050	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
11	Hồ Ruộng Bồng	xã Cộng Hòa	10.0	0.0		cấp IV	0.100	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
12	Hồ Cây Cam	xã Cộng Hòa	10.0	0.0		cấp IV	0.050	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
13	Hồ Bắc Nhòm	xã Cộng Hòa	12.0	0.0		cấp IV	0.050	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
14	Hồ Cái Tăm	xã Cộng Hòa	10.0	0.0		cấp IV	0.100	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
15	Hồ Ông Trúc	xã Cộng Hòa	15.0	0.0		cấp IV	0.150	0.010	0.000	0.010						thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
VII	**UBND huyện Vân Đồn**																	
1	Hồ Nhà Thạch (Ông Tiên)	xã Đoàn Kết			1964	cấp IV		0.015	0.000	0.015						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
2	Hồ Coóc Sếnh	xã Đoàn Kết	5.0			cấp IV	0.050	0.010	0.000	0.010						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
3	Hồ Ông Lâm	xã Đoàn Kết	5.0			cấp IV	0.010	0.005	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	Không hoạt động

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B trên			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Hồ Ông Giáp	xã Đoàn Kết	5.0			cấp IV	0.080	0.010	0.000	0.010						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
5	Hồ Đi Ba	xã Đoàn Kết	20.0			cấp IV	0.060	0.150	0.000	0.150						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
6	Hồ Khe Chàm	xã Đoàn Kết	20.0			cấp IV	0.050	0.150	0.000	0.150						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
7	Hồ Đầm Tròn	xã Bình Dân	25.0			cấp IV	0.130	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
8	Hồ Khe Rùa	xã Bình Dân	5.0			cấp IV	0.130	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
9	Hồ Khe Quýt	xã Bình Dân	5.0			cấp IV	0.030	0.010	0.000	0.010						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	Không hoạt động
10	Hồ Ông Tĩnh (Hồ Ký Vầy)	xã Đài Xuyên	10.0			cấp IV	0.030	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	Trùng với hồ Ký Vầy
11	Hồ Ông Khảm	xã Đài Xuyên				cấp IV		0.020	0.000	0.020						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	Không hoạt động
12	Hồ Tống hôn (xuyên hùng 1)	xã Đài Xuyên	30.0			cấp IV	0.130	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
13	Hồ Tống hôn (xuyên Hùng 2)	xã Đài Xuyên			2008	cấp IV		0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
14	Hồ Hòa Bình	xã Hạ Long	20.0			cấp IV	0.050	0.020	0.000	0.020						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
15	Hồ Ông Thành	xã Hạ Long	25.0			cấp IV	0.130	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
16	Hồ Thôn 8	xã Hạ Long				cấp IV		0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
17	Hồ Mắt Rồng	TT Cái Rồng	30.0	730.0		cấp IV	0.220	0.120	0.000	0.120						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
18	Hồ Đài Mỏ	xã Vạn Yên	10.0			cấp IV	0.100	0.020	0.000	0.020						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
19	Hồ Cầu Lầu	xã Ngọc Vừng	22.0	63.6		cấp IV		0.260	0.000	0.260						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
20	Hồ Ngọc Thủy	xã Ngọc Vừng	20.0			cấp IV	0.280	0.110	0.000	0.110						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
21	Hồ Đông Thái	xã Quan Lạn	15.0			cấp IV	0.070	0.050	0.000	0.050						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
22	Hồ Chương Sam	xã Minh Châu	10.0			cấp IV	0.100	0.020	0.000	0.020						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
23	Hồ Vạ Chàm	xã Bản Sen	30.0			cấp IV	0.050	0.110	0.000	0.010						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
24	Hồ Cái Xuôi	xã Bản Sen	8.0			cấp IV	0.550	0.065	0.025	0.040						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
25	Hồ Đầm Làng	xã Quan Lạn				cấp IV		0.041	0.000	0.041						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	Không hoạt động
26	Hồ Kí Vầy	xã Đài Xuyên	10.0			cấp IV		0.100	0.000	0.100						huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Ldập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
VIII	**UBND huyện Cô Tô**																	
1	Hồ C4	TT. Cô Tô	10.0			cấp IV	0.090	0.102	0.002	0.100						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
2	Hồ Ông Giáo	TT. Cô Tô	2.0			cấp IV	0.040	0.014	0.000	0.014						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
3	Hồ Thầu Mỹ	TT. Cô Tô	10.0			cấp IV	0.110	0.016	0.000	0.016						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
4	Hồ Ông Vụ	xã Đồng Tiến			2008	cấp IV		0.054	0.000	0.540						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
5	Hồ C22	xã Đồng Tiến	3.5			cấp IV	0.230	0.013	0.000	0.013						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
6	Hồ Ông Tóc	xã Đồng Tiến			2008	cấp IV		0.012	0.000	0.012						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
7	Hồ Bà Gừng	xã Đồng Tiến			2008	cấp IV		0.014	0.000	0.012						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
8	Hồ Ông Nội	xã Đồng Tiến			2008	cấp IV		0.014	0.002	0.012						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
9	Hồ Vàn Chày	xã Đồng Tiến	2.5			cấp IV	0.090	0.010	0.000	0.010						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
10	Hồ Ông Lý	xã Đồng Tiến			1994	cấp IV		0.028	0.000	0.028						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
11	Hồ Chiến Thắng 1	xã Thanh Lân				cấp IV	0.080	0.040	0.000	0.040						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
12	Hồ Thôn 1	xã Thanh Lân			1997	cấp IV		0.020	0.000	0.020						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
13	Hồ Ông Thanh	xã Thanh Lân	25.0			cấp IV	0.090	0.046	0.002	0.044						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
14	Hồ Ông Cự	xã Thanh Lân	10.0			cấp IV	0.090	0.043	0.002	0.041						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
15	Hồ Hải Tiến	xã Đồng Tiến	24.0			cấp IV	0.120	0.028	0.000	0.028						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
16	Hồ Trường Xuân	xã Đồng Tiến			2012	cấp IV	0.657	0.720	0.270	0.450	7.8	6.15	229.0	6.0	4	huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
17	Hồ C21	xã Đồng Tiến	3.0			cấp IV	0.070	0.120	0.000	0.120						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
18	Hồ Bạch Vân	xã Thanh Lân	14.0			cấp IV	0.120	0.030	0.000	0.030						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
19	Hồ Chiến Thắng 2	xã Thanh Lân				cấp IV	0.960	0.076	0.006	0.070						huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
20	Hồ Ông Mẫn	xã Đồng Tiến	5.0			cấp IV	0.050	0.028	0.005	0.023			40.0	3.5	3	huyện Cô Tô	huyện Cô Tô	
IX	**UBND huyện Ba Chẽ**																	
X	**UBND huyện Tiên Yên**																	
1	Hồ Cống To	xã Tiên Lãng	50.0		1971	cấp IV	1.000	0.095	0.000	0.095			73.0	5.0	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
2	Hồ Trương Quý	xã Tiên Lãng	20.0		2013	cấp IV	0.050	0.500	0.000	0.500			45.0	4.5	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
3	Hồ Đá Lạn	xã Tiên Lãng	40.0		1968	cấp IV	0.600	0.500	0.000	0.500			150.0	10.0	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Lđập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Hồ 1-5	xã Tiên Lãng	25.0		1972	cấp IV	0.360	0.450	0.000	0.450			550.0	4.2		huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
5	Hồ Thôn Trung	xã Đồng Rui	25.0		1970	cấp IV	0.220	0.750	0.000	0.750			688.0	4.6	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
6	Hồ Thôn Thượng	xã Đồng Rui	40.0		1970	cấp IV	0.180	0.190	0.000	0.190			580.0	4.0	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
7	Hồ Cái Khánh	xã Đông Hải	16.0		1970	cấp IV	0.120	0.120	0.000	0.120			32.0	4.2	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
8	Hồ Khe Muối	xã Yên Than	8.0		2001	cấp IV	0.080	0.100	0.000	0.100			50.0	4.2	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
9	Hồ Đồng Và	xã Yên Than	30.0			cấp IV	0.550	0.650	0.190	0.450			180.0	5.5		huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
10	Hồ Nông Sơn	T.trấn, Tiên Yên	10.0	0.0	1970	cấp IV	0.520	0.650	0.000	0.650			33.00	4.50	3.00	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
11	Hồ Thôn Hạ	xã Đồng Rui	30.0		1970	cấp IV		0.750	0.000	0.750			780.0	4.8	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
12	Hồ Thanh Hải	xã Hải Lạng	12.0		1983	cấp IV	0.120	0.120	0.000	0.120			82.0	4.6	3	huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
XI	**UBND huyện Bình Liêu**																	
1	Hồ Khe Lánh	xã Vô Ngại	25.0		2001	cấp IV	0.350	0.104	0.004	0.100						huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
XII	**UBND huyện Đầm Hà**																	
XIII	**UBND huyện Hải Hà**																	
1	Hồ Khe Đình	xã Cái Chiên	45		1978	cấp IV	0.230	0.220	0.020	0.200						huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
2	Hồ Khe Dầu	xã Cái Chiên	40		2005	cấp IV	0.390	0.380	0.270	0.380						huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
XIV	**UBND thành phố Móng Cái**																	
1	Hồ Giếng Cối	xã Vĩnh Thực	30.0	0.0	1976	cấp IV	0.410	0.500	0.120	0.380						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
2	Hồ Vạn Gia	xã Vĩnh Thực	50.0	105.9	2000	cấp IV	0.300	0.500	0.060	0.440		19.5				thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
3	Hồ Mã Thầu Sán	xã Hải Sơn	20.0	0.0	2002	cấp IV	0.140	0.300	0.000	0.300						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
4	Hồ Đội 11	xã Hải Tiến	20.0	0.0	1978	cấp IV	0.090	0.200	0.000	0.200						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
5	Hồ Tù Vè	P. Hải Yên	20.0	0.0	1975	cấp IV	0.090	0.200	0.000	0.200						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
6	Hồ Cái Lắm	P. Ninh Dương	20.0	0.0	1965	cấp IV	0.090	0.200	0.000	0.200						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
7	Hồ Khe Nà	xã Vĩnh Thực	15.0	0.0	1982	cấp IV	0.090	0.200	0.000	0.200						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm đưa công trình vào sử dụng	Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối										Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
								Dung tích			Cao trình							
			F tưới	Cấp nước		Cấp công trình	F(lv)	Dung tích toàn bộ (Wtb)	Dung tích chết (Wc)	Dung tích hữu ích (Whi)	Đỉnh đập	MNDBT	Ldập	H đập	B tràn			
			(ha)	(10^3m3)			(Km^2)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(10^6m^3)	(m)	(m)	(m)	(m)	(m)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
8	Hồ Lầm Coỏng	xã Vĩnh Trung	20.0	0.0	2002	cấp III	0.170	0.130	0.000	0.130	15.0	13.2	77.5	13.0	3	thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
9	Hồ Sau Ủy Ban	xã Vĩnh Trung	10.0	0.0	1976	cấp IV	0.080	0.100	0.000	0.100						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
10	Hồ Đội 12	xã Vĩnh Trung	10.0	0.0	2004	cấp IV	0.080	0.100	0.000	0.100						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
11	Hồ Gốc Khế	xã Vĩnh Thực	20.0	0.0	2001	cấp III	0.130	0.100	0.000	0.100	18.0	16.2	97.0	13.5	3	thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
12	Hồ Khe Cầu	xã Vĩnh Trung	30.0	0.0	2005	cấp IV	0.400	0.320	0.000	0.320						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
13	Hồ Cái Vĩnh	xã Vĩnh Trung	30.0	0.0	2011	cấp IV	0.400	0.300	0.000	0.300						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
14	Hồ Khe Năng	xã Vĩnh Thực	20.0	0.0	2009	cấp IV	0.200	0.400	0.000	0.400						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
15	Hồ Bắc Thán Phún	xã Bắc Sơn	30.0	0.0		cấp IV	0.180	0.400	0.000	0.400						thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	

II.2. Trạm bơm

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Các thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
							Chỉ tiêu thiết kế				
			F tưới (ha)	Cấp nước		Cấp công trình	Số máy	Q máy (m^3/h)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**UBND thị xã Đông Triều**										
1	Trạm bơm (TB) Đồng Lâm	xã Bình Dương	54.0	T	1982	Cấp IV	2	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
2	TB Hoàng Xá	xã Thủy An	20.0	T	1990	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
3	TB Chùa Vầu	xã Bình Dương	47.0	T	1997	Cấp IV	1	700	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
4	TB Gò Nhãn	xã Bình Dương	32.0	T	1994	Cấp IV	1	700	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
5	TB Đạo Dương	xã Bình Dương	76.0	T	1986	Cấp IV	2	600	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
6	TB Đồng Gốc	xã Nguyễn Huệ	30.0	T	1985	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
7	TB Nghè Thông	xã Nguyễn Huệ	25.0	T	1985	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
8	TB Đồng Đạm	xã Nguyễn Huệ	15.0	T	1985	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
9	TB Đồng Sen	xã Việt Dân	17.0	T	1983	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
10	TB Khê Thượng	xã Việt Dân	12.0	T	1990	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
11	TB Đồng Ý	xã Việt Dân	17.0	T	1990	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
12	TB Phúc Thị	xã Việt Dân	21.0	T	1985	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
13	TB An Trại	xã Việt Dân	6.0	T	1990	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
14	TB An Làng	xã Việt Dân	5.0	T	2000	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
15	TB Trung Tâm	xã Việt Dân	37.0	T	2004	Cấp IV	1	1400	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
16	TB Đồng Chùa	P.Hưng Đạo	91.0	T	1974	Cấp IV	2	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
17	TB Đồng Rừng	P.Hưng Đạo	33.0	T	1974	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
18	TB Trại Sy	P.Hưng Đạo	35.0	T	1976	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
19	TB Thủ Dương	P.Hưng Đạo	14.0	T	1976	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
20	TB Vân Quế	P.Hưng Đạo	22.0	T	1997	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
21	TB La Dương	P.Hưng Đạo	27.0	T	1985	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
22	TB Đồng Nội	P.Hưng Đạo	25.0	T	1987	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Các thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
							Chỉ tiêu thiết kế				
			F tưới (ha)	Cấp nước		Cấp công trình	Số máy	Q máy (m^3/h)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
23	TB Đồng Cốc	P.Hưng Đạo	17.0	T	1987	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
24	TB Đồng Chử	P.Kim Sơn	100.0	T	1970	Cấp IV	2	110	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
25	TB Kim Sen	P.Kim Sơn	42.0	T	1970	Cấp IV	2	45	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
26	TB Cổ Giản	P.Kim Sơn	18.0	T	1981	Cấp IV	1	20	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
27	TB Suối Môi	P.Kim Sơn	21.0	T	1994	Cấp IV	1	25	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
28	TB Xóm Dưới	xã Thủy An	28.0	T	1988	Cấp IV	2	30	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
29	TB Đầm Tràng	xã Thủy An	13.0	T	1996	Cấp IV	2	15	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
30	TB Vị Thủy	xã Thủy An	22.0	T	1989	Cấp IV	1	24	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
31	TB Đồng Mo	P.Xuân Sơn	37.0	T	1989	Cấp IV	2	40	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
32	TB Quán Vuông	xã Bình Khê	15.0	T	2002	Cấp IV	1	17	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
33	TB Vĩnh Quang	P.Mạo Khê	14.0	T	1975	Cấp IV	1	15	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
34	TB Bến Cân	P.Mạo Khê	11.0	T	1981	Cấp IV	1	15	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
35	TB Bồ Hoãn	P.Mạo Khê	2.0	T	1979	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
36	TB Công Nông	P.Mạo Khê	7.0	T	1976	Cấp IV	2	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
37	TB Độc Lập	P.Đông Triều	15.0	T	1970	Cấp IV	2	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
38	TB Sông Ngo	xã Hồng Phong	36.0	T	1984	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
39	TB Đồng Bến	xã Hồng Phong	48.0	T	1980	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
40	TB Đoàn Xá	xã Hồng Phong	33.0	T	1980	Cấp IV	1	1000	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
41	TB Mỏm Cua	P.Đức Chính	51.0	T	1990	Cấp IV	2	800	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
42	TB Mắt Rồng	P.Đức Chính	18.0	T	1993	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
43	TB Thành Long	xã An Sinh	15.0	T	1988	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
44	TB Cống Đình	xã Yên Đức	13.0	T	1983	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
45	TB Cổng Quán	xã Yên Đức	7.0	T	1984	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
46	TB Đồng Chua	xã Yên Đức	18.0	T	1994	Cấp IV	2	160	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
47	TB Đồng Sơn	xã Yên Đức	57.0	T	1981	Cấp IV	1	1080	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Các thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
							Chỉ tiêu thiết kế				
			F tưới (ha)	Cấp nước		Cấp công trình	Số máy	Q máy (m^3/h)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
48	TB Đức Sơn	xã Yên Đức	5.0	T	1982	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
49	TB Dương Đê	xã Yên Đức	17.0	T	1985	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
50	TB Vườn Cò	xã Yên Thọ	17.0	T	1977	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
51	TB Xóm Nam	xã Yên Thọ	12.0	T	1976	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
52	TB Thọ Tràng	xã Yên Thọ	15.0	T	1978	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
53	TB Xuân Quang	xã Yên Thọ	10.0	T	1981	Cấp IV	1	320	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
54	TB Đám Bạc	xã Hồng Thái Tây	90.0	T	1982	Cấp IV	2	600	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
55	TB Lò Ngói	xã Hoàng Quế	22.0	T	2004	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
56	TB Cổ Lễ	xã Hoàng Quế	10.0	T	1988	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
57	TB Tràng Bạch	xã Hoàng Quế	12.0	T	1979	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
58	TB Quế Lạt	xã Hoàng Quế	22.0	T	1981	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
59	TB Tân Lập	Hồng Thái Đông	40.0	T	1979	Cấp IV	1	540	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
60	TB Đông Mai	xã Nguyễn Huệ	134.0	T	1983	Cấp IV		1300	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
61	TB Vân Động	xã Nguyễn Huệ	59.0	T	1983	Cấp IV		1050	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
62	TB Hậu Bành	xã Xuân Sơn	77.0	T	2002	Cấp IV		1400	thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
II	**UBND thành Phố Uông Bí**										
1	TB Bạch Đằng	P. Phương Nam	50.0		1967	Cấp IV	2	1400	Công ty TNHHTL Yên Lập	thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (công suất máy bơm <3.000 m^3/h, diện tích tưới <200 ha)
2	TB Hồng Hà	P. Phương Nam				Cấp IV			Công ty TNHHTL Yên Lập	thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (công suất máy bơm <3.000 m^3/h, diện tích tưới <200 ha)
	Máy số 1		45.0		2001		1	980			
	Máy số 2		35.0		1973		1	560			

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Các thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
							Chỉ tiêu thiết kế				
			F tưới (ha)	Cấp nước		Cấp công trình	Số máy	Q máy (m^3/h)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	TB Phong Thái	P. Phương Nam	10.0		1973	Cấp IV	2	1000	Công ty TNHHTL Yên Lập	thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (công suất máy bơm <3.000 m^3/h, diện tích tưới <200 ha)
4	TB Sông Sinh	P. Thanh Sơn				Cấp IV	2	350	Công ty TNHHTL Yên Lập	thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (công suất máy bơm <3.000 m^3/h, diện tích tưới <200 ha)
5	TB Đượng Cả	P. Yên Thanh	12.1		2003	Cấp IV			Công ty TNHHTL Yên Lập	thành phố Uông Bí	Công trình đầu mối độc lập (công suất máy bơm <3.000 m^3/h, diện tích tưới <200 ha)
	Máy số 1						1	600			
	Máy số 2						1	190			
III	**UBND thị xã Quảng Yên**										
1	TB Hang Song	xã Hoàng Tân	30.0	T	1996	Cấp IV	2		thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
2	TB núi Đá rơi	xã Hoàng Tân	15.0	T	1997	Cấp IV	1	140	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
3	TB Xóm Bãi	xã Hiệp Hòa	25.0	T	1970	Cấp IV	1	120	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
4	TB Đồng Bái	xã Hiệp Hòa	60.0	T	1972	Cấp IV	1	140	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
5	TB Cổng Bắc	P. Cộng Hòa	7.0	T	1978	Cấp IV	1	90	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
6	TB thôn 9	xã Sông Khoai	50.0	T	1992	Cấp IV	2	300	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
7	TB khu 6	P. Yên Giang	18.0	T	1992	Cấp IV	2	540	thị xã Quảng Yên	thị xã Quảng Yên	
IV	**UBND huyện Hoành Bồ**										
1	TB Thác Cát	xã Sơn Dương	25.0	T		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
2	TB điện Thống Nhấ	xã Thống Nhất	144.0	T	2005	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
3	TB Khe Làn	xã Hòa Bình	5.0	T		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
4	TB Thác Cát	xã Hòa Bình	4.0	T		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
V	**UBND thành phố Hạ Long**										
1	Trạm bơm Hà Phong	P. Hà Phong			1980	Cấp IV	2	320	thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
2	Trạm bơm An Tiêm				2000	Cấp IV	2	320	thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
VI	**UBND thành phố Cẩm Phả**										

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Các thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
							Chỉ tiêu thiết kế				
			F tưới (ha)	Cấp nước		Cấp công trình	Số máy	Q máy (m^3/h)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	TB Đồng Cầu	xã Cộng Hòa	88.0	T		Cấp IV	2	180	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
2	TB Cống Đá	xã Cộng Hòa	25.0	T		Cấp IV	2	180	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
3	TB Đầm Đá	xã Cộng Hòa	30.0	T		Cấp IV	2	180	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
4	TB Rừng Miếu	xã Cộng Hòa	15.0	T		Cấp IV	2	180	thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
VII	**UBND huyện Vân Đồn**										
VIII	**UBND huyện Cô Tô**										
IX	**UBND huyện Ba Chẽ**										
X	**UBND huyện Tiên Yên**										
1	TB Nà Phen	xã Yên Than	30.0	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
2	TB thôn 4	xã Đồng Rui	107.0	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
3	TB thôn Thượng	xã Đồng Rui	57.0	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
4	TB thôn Trung	xã Đồng Rui	84.0	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
5	TB thôn Hạ	xã Đồng Rui	87.0	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
6	TB Bản Dò	xã Phong Dụ	20	T		Cấp IV			Huyện Tiên Yên	Huyện Tiên Yên	
XI	**UBND huyện Bình Liêu**										
XII	**UBND huyện Đầm Hà**										
XIII	**UBND huyện Hải Hà**										
XIV	**UBND thành phố Móng Cái**										

II.3. Đập dâng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
	Tổng	**383**									
I	**Thị xã Đông Triều**										
1	Đập Cổ Rồng	xã An Sinh	25.0	0.0	1983	Cấp IV			thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
2	Đập Gốc Nhội	xã Tràng Lương	43.0	0.0		Cấp IV			thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
3	Đập Suối Vàng	xã Bình Dương	100.0	0.0	2002	Cấp IV			thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
4	Đập Đá Trắng	xã Tràng Lương	150.0	0.0	2004	Cấp IV			thị xã Đông Triều	thị xã Đông Triều	
II	**Thành phố Uông Bí**										
1	Đập Chân Trục	P. Phương Đông	60.0	0.0	2008	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
2	Đập Suối Hón	P. Phương Đông	60.0	0.0	1980	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
3	Đập Bí Thượng	P. Phương Đông	45.0	0.0	1975	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
4	Đập Rừng Thông	P. Phương Đông	20.0	0.0	1985	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
5	Đập Khe Ngát	P. Bắc Sơn	10.0	0.0	2007	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
6	Đập Thượng Cát	P. Bắc Sơn	35.5	0.0	2004	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
7	Đập Chèo Pheo	xã Thượng Yên Công	50.0	0.0	2006	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
8	Đập Thùng Rượu	xã Thượng Yên Công	30.0	0.0	1977	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
9	Đập Đồng Chanh	xã Thượng Yên Công	25.0	0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
10	Đập Quan Điền	xã Thượng Yên Công	25.0	0.0	2008	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
11	Đập Miếu Bòng	xã Thượng Yên Công	55.0	0.0	1977	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
12	Đập Bãi Dâu	xã Thượng Yên Công		0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
13	Đập Bến Ván	xã Thượng Yên Công		0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
14	Đập Khe Thần	xã Thượng Yên Công		0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
15	Đập Quảng Hải	xã Thượng Yên Công		0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
16	Đập Miếu Thán	P. Vàng Danh	45.0	0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
17	Đập Đồng Bống	P. Vàng Danh	60.0	0.0	2007	Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
18	Đập Hàm Răng	P. Nam Khê	20.0	0.0		Cấp IV			thành phố Uông Bí	thành phố Uông Bí	
III	**Thị xã Quảng Yên**										
IV	**Huyện Hoành Bồ**										
1	Đập Bàng Anh	xã Tân Dân	20.0	0.0	1980	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
2	Đập Khe Dùng	xã Tân Dân	10.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
3	Đập Khe Tàu	xã Tân Dân	25.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
4	Đập Khe Đồng	xã Tân Dân	10.0	0.0	1982	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
5	Đập Khe Phất	xã Tân Dân	8.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
6	Đập Khe Dẻ	xã Tân Dân	7.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
7	Đập Khe Liêu	xã Bằng Cả	30.0	0.0	1985	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
8	Đập Đèo San	xã Bằng Cả	10.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
9	Đập Khe Kiếm	xã Bằng Cả	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
10	Đập Đầu Làng	xã Quảng La	100.0	0.0	1996	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
11	Đập Khe Cái	xã Quảng La	70.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
12	Đập ông Hậu	xã Dân Chủ	10.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
13	Đập ông Hòa	xã Dân Chủ	5.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
14	Đập Gỗ Trũ	xã Dân Chủ	15.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
15	Đập Đồng Mưa	xã Dân Chủ	70.0	0.0	1985	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
16	Đập Khe Dùng	xã Sơn Dương	44.0	0.0	1984	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
17	Đập Lựng Chúm	xã Sơn Dương	150.0	0.0		Cấp IV			C.ty TNHH MTV TL Yên Lập	huyện Hoành Bồ	(Công trình đầu mối độc lập, chiều cao đập <10m)
18	Đập Đồng Ho	xã Sơn Dương	30.0	0.0	1994	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
19	Đập Vườn Dầu	xã Sơn Dương	20.0	0.0	1979	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
20	Đập Vườn Cau	xã Sơn Dương	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
21	Đập Khe Cả	xã Sơn Dương	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
22	Đập Cảnh Tiên	xã Sơn Dương	35.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
23	Đập rọ thép Lưỡng Kỳ	xã Thống Nhất	30.0	0.0	1984	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
24	Đập Lưỡng Kỳ	xã Thống Nhất	30.0	0.0	1997	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
25	Đập Đồng Cao	xã Thống Nhất	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
26	Đập Vũ Oai	xã Vũ Oai	100.0	0.0		Cấp IV			C.ty TNHH MTV TL Yên Lập	huyện Hoành Bồ	(Công trình đầu mối độc lập, chiều cao đập <10m)
27	Đập Đồng Chùa	xã Vũ Oai	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
28	Đập Đồng Mơ	xã Vũ Oai	8.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
29	Đập Đồng Sang	xã Vũ Oai	3.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
30	Đập Đồng Lá	xã Hòa Bình	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
31	Đập Khe Thụt	xã Hòa Bình	3.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
32	Đập Khe Lèn	xã Đồng Lâm	15.0	0.0	1993	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
33	Đập Khe Ẳng	xã Đồng Lâm	10.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
34	Đập Khe Mèo	xã Đồng Lâm	7.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
35	Đập Khe Lò	xã Đồng Lâm	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
36	Đập Khe Am	xã Đồng Lâm	25.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
37	Đập Khe Rồng	xã Đồng Lâm	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
38	Đập Đồng Bé 1+2	xã Đồng Lâm	15.0	0.0	1984	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
39	Đập Đồng Quặng	xã Đồng Lâm	20.0	0.0	1983	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
40	Đập Cửa Hố	xã Đồng Lâm	25.0	0.0	1990	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
41	Đập Khe Đìa	xã Đồng Lâm	7.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
42	Đập Khe Mày	xã Kỳ Thượng	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
43	Đập Khe Xíu	xã Kỳ Thượng	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
44	Đập Khe Phương	xã Kỳ Thượng	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
45	Đập Khe Bông 1	xã Kỳ Thượng	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
46	Đập Khe Bông 2	xã Kỳ Thượng	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
47	Đập Khe Tre	xã Kỳ Thượng	12.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
48	Đập Đồng Mát	xã Kỳ Thượng	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
49	Đập Đồng Cút	xã Kỳ Thượng	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
50	Đập Khe Chặng	xã Đồng Sơn	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
51	Đập Khe Kẻn	xã Đồng Sơn	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
52	Đập Khe O	xã Đồng Sơn	4.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
53	Đập Khe Máy	xã Đồng Sơn	40.0	0.0	1987	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
54	Đập Khe Lầm	xã Đồng Sơn	10.0	0.0	1988	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
55	Đập Cầm Kẻn	xã Đồng Sơn	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
56	Đập Khe Táo	xã Đồng Sơn	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
57	Đập Đồng Cầm	xã Đồng Sơn	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
58	Đập Suối Páo	Thị trấn Trới	45.0	0.0	1987	Cấp IV			huyện Hoành Bồ	huyện Hoành Bồ	
59	Đập Đồng Vải	xã Thống Nhất	35.0	0.0		Cấp IV			C.ty TNHH MTV TL Yên Lập	huyện Hoành Bồ	(Công trình đầu mối độc lập, chiều cao đập <10m)
V	**Thành phố Hạ Long**										
1	Đập Đá Bản	P. Việt Hưng	40.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
2	Đập Khu 12	P. Việt Hưng	10.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
3	Đập Ông Đô	P. Đại Yên	4.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
4	Đập Quỳnh Trung	P. Đại Yên	10.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
5	Đập Khe Bầu	P. Đại Yên	5.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
6	Đập Cái Cả	P. Đại Yên	5.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
7	Đập Suối Lộ Phong	P. Hà Phong	12.0	0.0		Cấp IV			thành phố Hạ Long	thành phố Hạ Long	
VI	**Thành phố Cẩm Phả**										

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
1	Đập Lựng Do	xã Dương Huy	40.0	0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
2	Đập Khe Cả	xã Dương Huy		0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
3	Đập Tân Tiến	xã Dương Huy	30.0	0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
4	Đập Cống Đá	xã Cộng Hòa		0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
5	Đập Cầu Ván	xã Cộng Hòa	20.0	0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
6	Đập Cái Tăn	xã Cộng Hòa	5.0	0.0		Cấp IV			thành phố Cẩm Phả	thành phố Cẩm Phả	
VII	**huyện Vân Đồn**										
1	Đập Đông Lĩnh	xã Bản Sen	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
2	Hồ Đồng Lĩnh	xã Bản Sen	30.0			Cấp IV			huyện Vân Đồn	huyện Vân Đồn	
VIII	**Huyện Cô Tô**			0.0							
IX	**huyện Ba Chẽ**										
1	Đập Khe Ruộng	xã Lương Mông	8.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
2	Đập Khe Tráng	xã Lương Mông	2.0	0.0	1997	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
3	Đập Khe Vang	xã Lương Mông	2.0	0.0	1986	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
4	Đập Đồng Cầu	xã Lương Mông	4.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
5	Đập Cổ Ngựa	xã Lương Mông	27.0	0.0	1995	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
6	Đập Đồng Lẻo	xã Lương Mông	5.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
7	Đập Đồng Dội	xã Lương Mông	7.0	0.0	1993	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
8	Đập Đồng Chức	xã Lương Mông	6.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
9	Đập Khe Tâm	xã Lương Mông	3.0	0.0	1996	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
10	Đập Khe Nà	xã Lương Mông	3.5	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
11	Đập Đồng Dằm I	xã Đạp Thanh	1.4	0.0	1992	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
12	Đập Đồng Dằm II	xã Đạp Thanh	2.6	0.0	1992	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
13	Đập Đồng Dằm III	xã Đạp Thanh	1.5	0.0	1992	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
14	Đập Cô Ngoa	xã Đạp Thanh	1.6	0.0	1992	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
15	Đập Khe Mười	xã Đạp Thanh	2.8	0.0	1990	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
16	Đập Nà Mìn	xã Đạp Thanh	4.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
17	Đập Khe Năng	xã Đạp Thanh	2.5	0.0	2001	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
18	Đập Khe O	xã Đạp Thanh	1.0	0.0	1996	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
19	Đập Khe Tâm	xã Đạp Thanh	1.0	0.0	2007	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
20	Đập Khe Mầu	xã Đạp Thanh	2.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
21	Đập Gần Nhà	xã Đạp Thanh	3.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
22	Đập Sán Mi	xã Đạp Thanh	4.5	0.0	2008	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
23	Đập Nà Xa	xã Đạp Thanh	5.3	0.0	2005	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
24	Đập Nà Kéo	xã Đạp Thanh	4.8	0.0	1998	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
25	Đập Nà Hác	xã Đạp Thanh	1.9	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
26	Đập Nà Ngờ	xã Đạp Thanh	3.2	0.0	1999	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
27	Đập Khe Cúc	xã Đồn Đạc	3.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
28	Đập Tài Lò	xã Đồn Đạc	1.5	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
29	Đập Khe Tàu Tiên	xã Đồn Đạc	2.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
30	Đập Khe Vai trong	xã Đồn Đạc	6.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
31	Đập Khe Lầm	xã Đồn Đạc	1.2	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
32	Đập Khe O trên	xã Đồn Đạc	5.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
33	Đập Khe Nhai	xã Đồn Đạc	2.0	0.0	1980	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
34	Đập Nà Bắp I	xã Đồn Đạc	4.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
35	Đập Nà Lễ	xã Đồn Đạc	3.5	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
36	Đập Nà Bắp II	xã Đồn Đạc	2.0	0.0	1982	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
37	Đập Phật Chỉ I	xã Đồn Đạc	5.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
38	Đập Pín Nặng	xã Đồn Đạc	4.8	0.0	1990	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
39	Đập Kẹp Loóng	xã Đồn Đạc	3.5	0.0	1996	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
40	Đập Chìu Văn Khoa	xã Đồn Đạc	5.9	0.0	1997	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
41	Đập Lày Chí Coóc	xã Đồn Đạc	3.0	0.0		Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
42	Đập Khe Lệnh	xã Đồn Đạc	3.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
43	Đập Nước Đừng	xã Đồn Đạc	2.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
44	Đập Đá Lợn	xã Đồn Đạc	2.5	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
45	Đập Khe Gấu	xã Đồn Đạc	3.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
46	Đập Tân Tiến	xã Đồn Đạc	1.8	0.0	2001	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
47	Đập Quay Sày	xã Đồn Đạc	0.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
48	Đập Làng Han	xã Đồn Đạc	5.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
49	Đập Khe Đá trên	TT Ba Chẽ	5.0	0.0	1996	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
50	Đập Khe Đá dưới	TT Ba Chẽ	1.0	0.0	1997	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
51	Đập Khe Cóc	TT Ba Chẽ	1.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
52	Đập Khu 6	TT Ba Chẽ	2.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
53	Đập Khu 4	TT Ba Chẽ	0.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
54	Đập Đồng Quánh	xã Minh Cầm	16.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
55	Đập Khe Tum	xã Minh Cầm	7.8	0.0	1991	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
56	Đập Nà Lý	xã Thanh Sơn	5.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
57	Đập Bắc Văn	xã Thanh Sơn	1.5	0.0		Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
58	Đập Khe Tâm	xã Nam Sơn	13.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
59	Đập Nam Hả trong	xã Nam Sơn	16.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
60	Đập Khe Than	xã Nam Sơn	3.5	0.0	2003	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
61	Đập Khe Dâu	xã Nam Sơn	2.5	0.0	2004	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
62	Đập Khe Luộc	xã Thanh Lâm	3.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
63	Đập Khe Trạng II	xã Thanh Lâm	3.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
64	Đập Khe Vài	xã Thanh Lâm	4.2	0.0	1997	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
65	Đập Khe Xóm	xã Thanh Lâm	5.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
66	Đập Khe Tính	xã Thanh Lâm	3.0	0.0	2008	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
67	Đập Khe Tập 1	xã Thanh Lâm	3.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
68	Đập Coỏng Mộc	xã Thanh Lâm	2.3	0.0	2000	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
69	Đập Nà Chiêm	xã Thanh Lâm	2.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
70	Đập Khe Tập 2	xã Thanh Lâm	3.0	0.0	2008	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
71	Đập Nà Mạ	xã Thanh Lâm	1.0	0.0	2008	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
72	Đập Khe Lìn	xã Thanh Lâm	1.2	0.0	2008	Cấp IV			huyện Ba Chẽ	huyện Ba Chẽ	
X	**Huyện Tiên Yên**										
1	Đập Cầu Vôi	xã Đông Hải		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
2	Đập Đông Sơn	xã Đông Hải	15.0	0.0		Cấp IV			C.ty TMHHMTV TL Miền Đông	huyện Tiên Yên	(Công trình đầu mối độc lập, chiều cao đập <10m)
3	Đập Lâm Thành	xã Hải Lạng	35.0	0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
4	Đập Hà Dong	xã Hải Lạng		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
5	Đập Cái Kỳ	xã Hải Lạng		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
6	Đập Tồng Tạo	xã Hà Lâu		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
7	Đập thôn Pắc Phai Nà Buông	xã Điền Xá		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
8	Đập Lẩu Cám	xã Đông Ngũ		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
9	Đập thôn Quế Sơn	xã Đông Ngũ		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
10	Đập Nà Lìn	xã Phong Dụ		0.0		Cấp IV			huyện Tiên Yên	huyện Tiên Yên	
XI	**huyện Bình Liêu**										
1	Đập Sông Moóc	xã Đồng Văn	12.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
2	Đập Làng	xã Đồng Văn	11.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
3	Đập Nà Tháy	xã Đồng Văn	20.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
4	Đập Co Hón	xã Đồng Văn	33.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
5	Đập Ứng Chìn	xã Đồng Văn	48.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
6	Đập Phai Lầu	xã Đồng Văn	18.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
7	Đập Khe Mọi	xã Đồng Văn	20.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
8	Đập Phật Chỉ	xã Đồng Văn	1.0	0.0	2008	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
9	Đập Khe Tiền	xã Đồng Văn	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
10	Đập Nặm Bó-Đồng Thắng	xã Đồng Văn	2.5	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
11	Đập Hoành Mô I	xã Hoành Mô	10.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
12	Đập Nà Loọng	xã Hoành Mô	75.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
13	Đập Phặc Chè	xã Hoành Mô	17.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
14	Đập Ngàn Vàng	xã Hoành Mô	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
15	Đập Ngàn Kheo	xã Hoành Mô	30.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
16	Đập Co Sen	xã Hoành Mô	15.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
17	Đập Nà Chảo	xã Hoành Mô	8.6	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
18	Đập Khủi Đeng-Đồng Thắng	xã Hoành Mô	6.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
19	Đập Nà Lẹng-Ngàn Kheo	xã Hoành Mô	4.2	0.0	2000	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
20	Đập Chàng Lầu-Co Sen	xã Hoành Mô	2.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
21	Đập Săm Quang	xã Đồng Tâm	7.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
22	Đập Ngàn Phe	xã Đồng Tâm	5.7	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
23	Đập Pắc Pền	xã Đồng Tâm	30.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
24	Đập Đồng Long	xã Đồng Tâm	16.7	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
25	Đập Hái Lạc	xã Đồng Tâm	80.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
26	Đập Ngàn Vàng	xã Đồng Tâm	20.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
27	Đập Nà Khau	xã Đồng Tâm	31.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
28	Đập Chè Phạ	xã Đồng Tâm	18.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
29	Đập Pắc Pò	xã Đồng Tâm	12.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
30	Đập Khủi Xỏm-Săm Quang Phiêng Sáp	xã Đồng Tâm	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
31	Đập Khủi Làng-Pắc Pền	xã Đồng Tâm	1.3	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
32	Đập Tèn Vài-Ngàn Vàng giữa, dưới	xã Đồng Tâm	3.1	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
33	Đập Nà Luông-Ngàn Phe	xã Đồng Tâm	2.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
34	Đập Ba Xã	xã Lục Hồn	76.0	0.0	1984	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
35	Đập Nặm Đeng	xã Lục Hồn	51.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
36	Đập Pắc Phe	xã Lục Hồn	12.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
37	Đập Kỳ Tau	xã Lục Hồn	71.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
38	Đập Ngàn Chuồng	xã Lục Hồn	9.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
39	Đập Soong Liềng	xã Lục Hồn	20.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
40	Đập Tà Thép-Cốc Lồng	xã Lục Hồn	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
41	Đập Ngàn Mèo dưới	xã Lục Hồn	11.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
42	Đập Cáng Bắc	xã Lục Hồn		0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
43	Đập Co Nhan dưới	xã Tình Húc	66.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
44	Đập Co Nhan trên	xã Tình Húc	30.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
45	Đập Nà Cải-Pắc Liềng	xã Tình Húc	83.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
46	Đập Khe Bốc	xã Tình Húc	6.5	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
47	Đập Ngàn Vàng	xã Tình Húc	7.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
48	Đập Co Nhan	xã Tình Húc	66.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
49	Đập Nà Kẻ	xã Tình Húc	60.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
50	Đập Nà Làng	xã Tình Húc	42.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
51	Đập Khe Và	xã Tình Húc	7.5	0.0	2006	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
52	Đập Chang Nà	xã Tình Húc	12.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
53	Đập Hát Coóc-Nà Kẻ	xã Tình Húc	83.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
54	Đập Nà Đạ-Nà Phạ	xã Tình Húc	40.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
55	Đập Nà Cắp	xã Vô Ngại	12.0	0.0	1996	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
56	Đập Pắc Chi 1+2	xã Vô Ngại	40.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
57	Đập Khe Lánh	xã Vô Ngại	30.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
58	Đập Khe Pam 2	xã Vô Ngại	14.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
59	Đập Pắc Chi	xã Vô Ngại	28.5	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
60	Đập Cầu Sắt	xã Vô Ngại	15.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
61	Đập Ngàn Chi	xã Vô Ngại	110.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
62	Đập Nà Chòi	xã Vô Ngại	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
63	Đập Khe Dùng-Nà Nhái	xã Vô Ngại	12.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
64	Đập Khe Luông-Nà Nhái	xã Vô Ngại	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
65	Đập Khe Chát-Khe Lánh	xã Vô Ngại	30.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
66	Đập Lục Ngù+P.Đán	xã Húc Động	36.0	0.0	2001	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
67	Đập Thánh Thìn	xã Húc Động	32.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
68	Đập Hín Thìn	xã Húc Động	15.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
69	Đập Nà Bản	xã Húc Động	8.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
70	Đập Khe Mó	xã Húc Động	22.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
71	Đập Nà Bản-Nà Ếch	xã Húc Động	20.0	0.0	2002	Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
72	Đập Kỳ Làng-Nà Ếch	xã Húc Động	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
73	Đập Pò Chè-Nà Ếch	xã Húc Động	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
74	Đập Cắm Sạn trên-Nà Ếch	xã Húc Động	21.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
75	Đập Tắc Lỷ-Sú Cáu	xã Húc Động	12.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
76	Đập Tạp Khìu-Sú Cáu	xã Húc Động	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
77	Đập Khe Vằn Thìn I-Pò Đán	xã Húc Động	16.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
78	Đập Tài Cạo-Pò Đán	xã Húc Động	18.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
79	Đập Thị Trấn	Thị trấn Bình Liêu	85.0	0.0		Cấp IV			huyện Bình Liêu	huyện Bình Liêu	
XII	**UBND huyện Đầm Hà**										
1	Đập Dực Yên	xã Quảng An	80.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
2	Đập thôn Đông	xã Quảng An	80.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
3	Đập Nà Pá	xã Quảng An	60.0	0.0	2006	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
4	Đập Chúc Tùng	xã Quảng An	29.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
5	Đập Nà Cáng	xã Quảng An	39.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
6	Đập Làng Ngang	xã Quảng An	43.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
7	Đập Thìn Thủ	xã Quảng An	60.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
8	Đập Đông Thành	xã Quảng An	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
9	Đập Suối Hai	xã Quảng An	25.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
10	Đập Xóm Đảo	xã Quảng An	23.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
11	Đập Gốc Chè	xã Quảng An	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
12	Đập An Sơn Cao	xã Quảng An	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
13	Đập An Sơn Thấp	xã Quảng An	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
14	Đập Si Nảm Thìn	xã Quảng An	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
15	Đập Tầm Làng	xã Quảng An	19.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
16	Đập Sám Cáu	xã Quảng An	18.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
17	Đập Cao Sủi	xã Dực Yên	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
18	Đập Xóm 15	xã Dực Yên	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
19	Đập Vườn tre	xã Dực Yên	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
20	Đập Đồng Lốc	xã Dực Yên	100.0	0.0	1972	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
21	Đập Thôn 3	xã Dực Yên	70.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
22	Đập Khe Táu	xã Dực Yên	50.0	0.0	2007	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
23	Đập Xá Tùng	xã Dực Yên	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
24	Đập Khe Điệu	xã Dực Yên	30.0	0.0	1994	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
25	Đập Mèo Lẻng	xã Quảng Lâm	60.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
26	Đập Voòng Nà	xã Quảng Lâm	45.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
27	Đập Siềng Lống	xã Quảng Lâm	20.0	0.0	2000	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
28	Đập Tài Lý Sáy	xã Quảng Lâm	10.0	0.0	2004	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
29	Đập Tài Siệc	xã Quảng Lâm	10.0	0.0	2007	Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
30	Đập Siềng Lống Tài Siệc	xã Quảng Lâm	8.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
31	Đập Thanh Y	xã Quảng Lâm	8.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
32	Đập An Bình	xã Quảng Lợi	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Đầm Hà	huyện Đầm Hà	
33	Đập T4 Mèo Lẻng	xã Quảng Lợi, Đầm	100.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
34	Đập Hắc Coóc	xã Quảng Lợi, Đầm	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
35	Đập Gốc Vối	xã Quảng Tân, Đầm	35.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
36	Đập Cao Lão	xã Quảng Tân, Đầm	25.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
37	Đập Chặng Cao	xã Quảng Tân, Đầm	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
38	Đập Thôn 3	xã Quảng Tân, Đầm	7.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
39	Đập Yên Hàn	xã Quảng Tân, Đầm	210.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
40	Đập Đông Hà	xã Quảng Tân, Đầm	250.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
41	Đập Đầm Tròn	TT Đầm Hà, Đầm	50.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
42	Đập Chùa Bụt	TT Đầm Hà, Đầm	25.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
43	Đập Bà Gia	TT Đầm Hà, Đầm	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
44	Đập Cây Vối	xã Tân Bình, Đầm	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
45	Đập Thôn 3	xã Tân Bình, Đầm	10.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
46	Đập Thôn 4	xã Tân Bình, Đầm	50.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
47	Đập Thôn 5	xã Tân Bình, Đầm	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
48	Đập Thôn 6	xã Tân Bình, Đầm	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
49	Đập Thôn 8	xã Tân Bình, Đầm	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
50	Đập Bình Hải (ANLT)	xã Tân Bình, Đầm	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
51	Đập Thôn 10	xã Tân Bình, Đầm	10.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
52	Đập Coóc Khàu	xã Đại Bình, Đầm	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
53	Đập Làng Ruộng	xã Đại Bình, Đầm	35.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
54	Đập Tài Giàu	xã Đại Bình, Đầm	10.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
55	Đập Đầm Tiền	xã Đại Bình, Đầm	35.0	0.0		Cấp IV			Huyện Đầm Hà	Huyện Đầm Hà	
XIII	**Huyện Hải Hà**										
1	Đập Voòng Lá	xã Quảng Thành	45.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
2	Đập Sán Lừu	xã Đường Hoa	110.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
3	Đập Roa	xã Đường Hoa	45.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
4	Đập Tập 6	xã Đường Hoa	70.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
5	Đập Mái Bằng	xã Đường Hoa	45.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
6	Đập Khe Hèo	xã Đường Hoa	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
7	Đập đội 15	xã Đường Hoa	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
8	Đập Sơn Tiến	xã Quảng Sơn	40.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
9	Đập Lý Quáng	xã Quảng Sơn	14.0	0.0	1999	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
10	Đập Lý Van	xã Quảng Sơn	100.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
11	Đập Quảng Mới	xã Quảng Sơn	50.5	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
12	Đập Mày Nháu 1	xã Quảng Sơn	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
13	Đập Mày Nháu 2	xã Quảng Sơn	34.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
14	Đập Cấu Phùng	xã Quảng Sơn	25.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
15	Đập Tài Chi A	xã Quảng Sơn	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
16	Đập Tài Chi B	xã Quảng Sơn	6.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
17	Đập Thôn 3A	xã Quảng Sơn	5.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
18	Đập Thôn 3B	xã Quảng Sơn	10.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
19	Đập Xẹc Khâm	xã Quảng Sơn	20.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
20	Đập Mố Kiệc	xã Quảng Sơn	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
21	Đập thôn 4 Xiềng Thầm	xã Quảng Sơn	8.0	0.0	2005	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
22	Đập Lý Nà	xã Quảng Đức	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
23	Đập Tài Phố	xã Quảng Đức	30.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
24	Đập Cầu Lìm	xã Quảng Đức	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
25	Đập Nà Lý	xã Quảng Đức	25.0	0.0	1998	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
26	Đập Pạc Lày	xã Quảng Đức	20.0	0.0	2003	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
27	Đập thời vụ Bản Mốc 13	xã Quảng Đức	15.0	0.0	2007	Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
28	Đập BT Bản Mốc 13	xã Quảng Đức	15.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
29	Đập Tình á	xã Quảng Đức	18.0	0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
30	Đập Đá Phẳng	xã Quảng Phong		0.0		Cấp IV			huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
31	Đập Viêng Chăn	Xã Quảng Chính, Hải Hà	180.7	0.0	2009	Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
32	Đập Tây Ninh 1	Xã Quảng Chính, Hải Hà	150	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
33	Đập Tây Ninh 2	Xã Quảng Chính, Hải Hà	3.5	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
34	Đập 3/2	Xã Quảng Chính, Hải Hà	76.6	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
35	Đập Cầu Gỗ	Xã Quảng Long, Hải Hà	70.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
36	Đập Quảng Long 2	Xã Quảng Long, Hải Hà		0.0	1988	Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
37	Đập Ba Đa	Xã Quảng Thịnh, Hải Hà				Cấp IV			Huyện Hải Hà	huyện Hải Hà	
38	Đập ông Xô	xã Quảng Chính	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
39	Đập 131	xã Quảng Chính	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
40	Đập thôn 10	xã Quảng Chính	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
41	Đập thôn 4	xã Quảng Chính		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
42	Đập Núi Chùa	xã Quảng Chính	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
43	Đập Bà Rổ	xã Quảng Long	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
44	Đập Ông Chắt	xã Quảng Long	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
45	Đập Ông Ngũ	xã Quảng Long	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
46	Đập Cây vối 1	xã Quảng Long	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
47	Đập Cây vối 2	xã Quảng Long	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
48	Đập Ông chăn	xã Quảng Long	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
49	Đập Bà Chức	xã Quảng Long	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
50	Đập Ông Toan	xã Quảng Long	10.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
51	Đập Ông Đức	xã Quảng Long	15.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
52	Đập Ông Năng	xã Quảng Long	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
53	Đập Ông Vĩnh	xã Quảng Long	25.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
54	Đập Ông Đinh	xã Quảng Long	10.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
55	Đập Ông Chấn	xã Quảng Long		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ của công trình		Năm xây dựng	Quy mô và thông số kỹ thuật			Đơn vị đang quản lý, vận hành công trình	Giao đơn vị quản lý để khai thác, bảo vệ công trình theo quy định phân cấp	Ghi chú
			F tưới (ha)	Cấp nước (10^3m^3)		Cấp công trình	Cao trình đỉnh đập tràn (m)	Chiều cao đập tràn Hđập (m)			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
56	Đập Thôn 3	xã Quảng Điền	30.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
57	Đập Ông Sàng	xã Quảng Điền	40.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
58	Đập Ông Yết	xã Quảng Điền	20.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
59	Đập Ô Bình	xã Quảng Trung	60.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
60	Đập Ô Khoảnh	xã Quảng Trung		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
61	Đập Khe La	xã Quảng Trung		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
62	Đập Cây Vối	xã Quảng Trung		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
63	Đập Ông Hỷ	xã Quảng Thịnh	25.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
64	Đập Đồi Chè	xã Quảng Thịnh	50.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
65	Đập Ông Tốt	xã Quảng Thịnh	65.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
66	Đập Thôn 1	xã Quảng Thịnh		0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
67	Đập Quảng Thành	xã Quảng Thành	80.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
68	Đập thôn 5 Quảng Thành	xã Quảng Thành	60.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
69	Đập Quảng Minh	xã Quảng Minh	240.0	0.0		Cấp IV			Huyện Hải Hà	Huyện Hải Hà	
XIV	**thành phố Móng Cái**										
1	Đập Pạt Cạp	xã Quảng Nghĩa	150.0	0.0		Cấp IV			thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	
2	Đập Củ Sềnh	xã Quảng Nghĩa	80	0.0		Cấp IV			thành phố Móng Cái	thành phố Móng Cái	